

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/DS-ST

Ngày: 23 – 7 - 2024

*"V/v Tranh chấp hợp đồng  
cầm cố và mượn tài sản"*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Lanh**.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà: **Trần Thị Thu Hà**.

2. Ông: **Huỳnh Văn Hồng**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 506/2023/TLST – DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng cầm cố và mượn tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Công ty S.**

Địa chỉ: số D, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông N - Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông **Nguyễn Hồ Minh N**, sinh năm: 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: B, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông **Nguyễn Minh V**, sinh năm: 1995 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

**- Bị đơn: Anh Đỗ Văn M** – sinh năm: 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 23/11/2023, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Minh V trình bày:

Ngày 03/5/2023 anh Đỗ Văn M có cầm cố tài sản với Công ty TNHH Srisawad Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long 01 theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe ký ngày 03/5/2023. Tài sản cầm cố 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda, loại Airblade 125 cc Fi, biển số xe 64E1-669.89, số khung

RLHJF6328KZ196948, số máy JF63E2636947, giấy chứng nhận đăng ký số 000037 do anh Đỗ Văn M đứng tên. Số tiền cầm cố 15.400.000đ, thời hạn cầm cố 12 tháng, mục đích cầm cố phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, ngày giải ngân 03/5/2023, ngày thanh toán định kỳ: 03. Lãi suất cầm cố 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng, phí phạt vi phạm: không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng. Do nhu cầu đi lại phục vụ công việc ngày 03/5/2023, anh M đã có đơn gửi Công ty TNHH Srisawad Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long 01 xin mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo nội dung giấy mượn xe, tài sản mượn lại là 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, loại Airblade 125 cc Fi, biển số xe 64E1-669.89. Thời gian mượn xe 01 tháng từ ngày 03/5/2023 đến ngày 03/6/2023. Công ty đã đồng ý cho anh M mượn tài sản nêu trên theo nguyện vọng và anh M cam kết thực hiện đúng nội dung đã ký cam kết trên hợp đồng và giấy mượn xe, giấy tờ khác liên quan. Anh M có cam kết trong giấy mượn xe “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận” theo yêu cầu từ Công ty. Khi ký kết hợp đồng cầm cố tài sản, thì hai bên tiến hành lập hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính. Trong nội dung của phụ lục hợp đồng, bên cầm cố tài sản đồng ý cho Chi nhánh Vĩnh Long 01 - Công ty TNHH Srisawad Việt Nam có quyền được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố và không hoàn trả hoa lợi, lợi tức đó cho khách hàng khi hợp đồng chấm dứt.

Phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản 3%/tháng, thanh toán đúng hạn theo hợp đồng số tiền là 2%/tháng. Để đảm bảo cho khoản cầm cố tài sản số VLM230501002NA19X ký ngày 03/5/2023 anh M đã thế chấp tài sản đảm bảo là 01 xe biển số 64E1-669.89 tài sản trên đã được Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của cục đăng ký quốc gia số đăng ký giao dịch số 1497452843. Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố Công ty TNHH Srisawad Việt Nam đã giải ngân cho khách hàng số tiền là 15.400.000đ theo đề nghị cầm cố và hợp đồng cầm cố ngày 03/5/2023.

Đến ngày 07/6/2023 anh M thanh toán cho Công ty số tiền là 1.729.000đ, ngày 30/3/2024 anh M thanh toán cho Công ty số tiền là 4.000.000đ, tổng cộng là 5.729.000đ. Sau đó thì anh M ngưng không thanh toán số tiền vốn và tiền lãi cho Công ty theo thỏa thuận. Tính đến ngày 23/7/2024 anh M còn nợ Công ty số tiền là 14.557.034đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố anh M đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Công ty.

Nay Công ty S rút lại phần phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng và phí bảo dưỡng, hao mòn tài sản mượn xe: đúng hạn 2%/tháng, thanh toán trễ hạn 3%/tháng theo hợp đồng cầm cố: VLM230501002NA19X ngày 03/5/2023.

Công ty S yêu cầu anh Đỗ Văn M phải thanh toán cho Công ty S số tiền tính đến ngày 23/7/2024 là 14.557.034đ (trong đó tiền gốc: 13.032.648đ, tiền lãi trong hạn 544.765đ, tiền lãi quá hạn 979.621đ, anh M còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 24/7/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Đối với hợp đồng cầm cố tài sản là xe mô tô biển số 64E1-669.89 do anh M đứng tên thì xe 64E1-669.89 anh M trình bày đã

bị mất nên nay Công ty S thay đổi yêu cầu đối với anh M, chỉ yêu cầu anh M trả số tiền tính đến ngày 23/7/2024 là 14.557.034đ, không yêu cầu xử lý tài sản của anh M là xe 64E1-669.89.

**\* Bị đơn anh Đỗ Văn M vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 27/3/2024 anh Đỗ Văn M trình bày:** Ngày 03/5/2023 anh có cầm cố tài sản với Công ty TNHH Srisawad Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long 01 theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe ký ngày 03/5/2023. Tài sản cầm cố 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda, loại Airblade 125 cc Fi, biển số xe 64E1-669.89, giấy chứng nhận đăng ký xe do anh đứng tên. Số tiền cầm cố 15.400.000đ, thời hạn cầm cố 12 tháng, mục đích cầm cố phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh.

Nay Công ty S yêu cầu anh phải thanh toán cho Công ty S số tiền tính đến ngày 27/3/2024 tiền vốn và tiền lãi là 21.404.951đ và tiền lãi phát sinh thì anh đồng ý nhưng anh xin trả dần vì xe Airblade, biển số 64E1-669.89 đã bị mất và anh bị thất nghiệp.

Bị đơn anh M đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh M không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử sơ thẩm. Xét việc vắng mặt của anh M không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

*Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.*

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:*

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn Công ty S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng cầm cố và mượn tài sản giữa Công ty S và bị đơn anh Đỗ Văn M, anh M có nơi cư trú tại ấp Quang Trạch, xã Trung Chánh, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh M vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh M nhưng anh M cũng không đến Tòa án. Nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe giữa Công ty S và anh M được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Tại hợp đồng cầm cố ngày 03/5/2023 tại Chi nhánh Vĩnh Long 01 - Công ty TNHH Srisawad Việt Nam, bên nhận cầm cố Chi nhánh Vĩnh Long 01 - Công ty TNHH Srisawad Việt Nam, bên cầm cố Đỗ Văn M, nội dung hợp đồng cầm cố là tài sản xe máy loại xe hai bánh biển kiểm soát 64E1-669.89, giá trị tài sản cầm cố 20.020.000đ, số tiền cầm cố là 15.400.000đ, thời hạn cầm cố là 12 tháng kể từ ngày 03/5/2023 đến ngày 03/5/2024, phương thức nhận tiền chuyển khoản một lần qua ngân hàng, lãi suất trong hạn lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền, thời hạn thanh toán khách

hàng cam kết thanh toán tiền định kỳ hàng tháng bao gồm gốc và lãi trong hạn với số tiền 1.420.681đ vào ngày 03 hàng tháng từ tháng 6/2023 đến tháng 5/2024, lãi suất quá hạn 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn. Phí quản lý hồ sơ cố định 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế. Khách hàng có anh M ký tên và ghi họ tên, có đại diện Công ty ký xác nhận. Phụ lục hợp đồng cầm cố, phí tổ chức kiểm tra giá trị tài sản đầu 231.000đ, phí đăng ký và xóa giao dịch đảm bảo 150.000đ, phí trả nợ trước hạn 7% trên dư nợ thực tế chưa đến hạn, phạt vi phạm kỳ hạn trả nợ với mức phí 8% trên dư nợ thực tế chưa đến hạn. Xử lý tài sản cầm cố trường hợp khách hàng không trả được một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và lãi đúng hạn và phí hoặc khách hàng vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng này hoặc các thỏa thuận, đề nghị khác giữa Công ty và khách hàng, Công ty được quyền tiến hành xử lý tài sản cầm cố theo quy định của pháp luật và hợp đồng này mà không cần có sự đồng ý hoặc văn bản ủy quyền của khách hàng, thông qua các hình thức bán đấu giá tài sản, Công ty tự bán tài sản, Công ty nhận chính tài sản để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo lãnh hoặc phương thức khác. Khách hàng có anh M ký tên và ghi họ tên và phiếu đăng ký cầm cố xe máy ngày 03/5/2023.

Tại giấy mượn xe ngày 03/5/2023 tại Chi nhánh Vĩnh Long 01 - Công ty TNHH Srisawad Việt Nam bên mượn xe Đỗ Văn M, anh M đã cầm cố tài sản là chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, biển số 64E1-669.89, thời hạn mượn là 30 ngày từ ngày 03/5/2023 đến ngày 03/6/2023, anh M đồng ý trả phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 462.000đ/tháng, khi anh M thanh toán đúng hạn phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 308.000đ/tháng (trong vòng 05 ngày tính từ ngày thanh toán hàng tháng). Trả phí thu hồi, xử lý tài sản cầm cố xe máy 1.000.000đ. Bên mượn, nhận xe có anh M ký tên và ghi họ tên, bên phê duyệt của chi nhánh ký xác nhận.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố anh M đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe từ ngày 03/5/2023 đến nay thì anh M chỉ thanh toán cho Công ty được 02 lần cụ thể: ngày 07/6/2023 anh M thanh toán cho Công ty số tiền là 1.729.000đ, ngày 30/3/2024 anh M thanh toán cho Công ty số tiền là 4.000.000đ, tổng cộng là 5.729.000đ.

Nay Công ty S yêu cầu anh M phải thanh toán cho Công ty S số tiền tính đến ngày 23/7/2024 là 14.557.034đ (trong đó tiền gốc:13.032.648đ, tiền lãi trong hạn 544.765đ, tiền lãi quá hạn 979.621đ, anh M còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 24/7/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Đối với hợp đồng cầm cố tài sản là xe mô tô biển số 64E1-669.89 do anh M đứng tên thì xe 64E1-669.89 anh M trình bày đã bị mất nên nay Công ty S thay đổi yêu cầu đối với anh M, chỉ yêu cầu anh M trả số tiền tính đến ngày 23/7/2024 là 14.557.034đ, không yêu cầu xử lý tài sản của anh M là xe 64E1-669.89.

Tại bảng khai ý kiến ngày 27/3/2024 của anh M thì anh M thống nhất thừa nhận ngày 03/5/2023 anh M có cầm cố tài sản với Công ty TNHH Srisawad Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long 01 theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe ký

ngày 03/5/2023. Tài sản cầm cố 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda, loại Airblade 125 cc Fi, biển số xe 64E1-669.89, giấy chứng nhận đăng ký xe do anh đứng tên. Số tiền cầm cố 15.400.000đ. Anh M đồng ý trả tiền cho Công ty S số tiền tính đến ngày 27/3/2024 là 21.404.951đ và tiền lãi phát sinh thì anh M đồng ý nhưng anh xin trả dần vì xe Airblade, biển số 64E1-669.89 đã bị mất và anh M bị thất nghiệp.

Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty S là có cơ sở thể hiện qua lời trình bày của các đương sự, cùng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện nên căn cứ vào Điều 311, 494 của Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty S. Buộc anh Đỗ Văn M phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty S tiền vốn, tiền lãi đến ngày 23/7/2024 là 14.557.034đ. Anh Đỗ Văn M còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố số VLM230501002NA19X ngày 03/5/2023 và giấy mượn xe ngày 03/5/2023 đối với số tiền vốn 13.032.648đ cho đến khi anh Đỗ Văn M thanh toán xong nợ.

Đình chỉ đối với yêu cầu của Công ty S yêu cầu xử lý tài sản của anh M là xe 64E1-669.89 và phần phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng và phí bảo dưỡng, hao mòn tài sản mượn xe: đúng hạn 2%/tháng, thanh toán trễ hạn 3%/tháng theo hợp đồng cầm cố: VLM230501002NA19X ngày 03/5/2023.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh M phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 494, 496 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**\* Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty S.

Buộc anh Đỗ Văn M phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty S tiền vốn, tiền lãi, tính đến ngày 23/7/2024 là 14.557.034đ (Mười bốn triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn không trăm ba mươi bốn đồng). Anh Đỗ Văn M còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố số VLM230501002NA19X ngày 03/5/2023 và giấy mượn xe ngày 03/5/2023 đối với số tiền vốn 13.032.648đ (Mười ba triệu không trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng) cho đến khi anh Đỗ Văn M thanh toán xong nợ.

Đình chỉ đối với yêu cầu của Công ty S yêu cầu xử lý tài sản của anh M là xe 64E1-669.89 và phần phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng và phí bảo dưỡng, hao mòn tài sản mượn xe: đúng hạn 2%/tháng, thanh toán trễ hạn 3%/tháng theo hợp đồng cầm cố: VLM230501002NA19X ngày 03/5/2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

*Án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc anh Đỗ Văn M phải nộp án phí là 728.000đ (Bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Công ty S không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty S số tiền 459.000đ (Bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số N<sup>0</sup>0008612 ngày 13/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- CCTHADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Phạm Thị Lanh**